

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ KINH TẾ QUỐC DÂN

Câu 1 : Những Nội Dung Cơ Bản Môn Học LSKTQD Nghiên Cứu

_ Lịch sử : là bản thân sự vật trải qua trên cơ sở các sự kiện, hiện tượng và quá trình được con người quan sát, ghi chép lại theo sự phát triển của thời gian thành tư liệu làm cơ sở cho việc nghiên cứu các khoa học.

_ Xã hội loài người : là nơi những con người hội tụ để lao động và phát triển tư duy trong 1 giai đoạn nhất định của lịch sử tương ứng với 1 hình thái kinh tế – xã hội nhất định.

_ Kinh tế là tổng thể các yếu tố tham gia quá trình sản xuất sản phẩm với giá trị sử dụng của nó, tài sản vật chất của con người, tập đoàn người với các yếu tố sản xuất trên cơ sở : sản xuất trao đổi – tiêu dùng. Trong đó có hai vấn đề mấu chốt là : quan hệ sở hữu và quan hệ lợi ích.

_ Kinh tế quốc dân : là tổng thể kinh tế của dân cư trên 1 lãnh thổ quốc gia.

Câu 2 : Chức Năng Nghiên Cứu Của Môn Học Lịch Sử Kinh Tế Quốc Dân

Có chức năng cơ bản :

_ Chức năng nhận thức biểu hiện ở 3 khía cạnh :

+ Nhận thức đúng nội dung kinh tế đã trải qua các thời đại trong lịch sử.

+ Nhận thức được các bài học kinh nghiệm đã trải qua về lĩnh vực kinh tế, hoạt động kinh tế của con người trong lịch sử.

+ Nhận thức phương pháp luận khi nghiên cứu những vấn đề kinh tế đã trải qua đòi hỏi phải quán triệt quan điểm lịch sử toàn diện và quan điểm phát triển khi đề cập nghiên cứu những vấn đề đã qua.

_ Chức năng tư tưởng : ôn cũ – tri mới.

Câu 3 : Những Nội Dung Cơ Bản Của Phương Thức Sản Xuất Châu Á

_ Đơn vị kinh tế xã hội : công xã nông thôn với phương thức sản xuất “tự sản tự tiêu” 3 yếu tố cơ bản tham gia vào quá trình sản xuất là :

+ Lao động của đông đảo cư dân công xã, năng lực sản xuất lao động cá nhân chưa trưởng thành với mục đích lao động sản xuất với giá trị sử dụng.

+ Tư liệu lao động là các công cụ lao động thủ công được chế tạo bằng chất liệu kim loại cùng với sức cơ bắp của trâu, bò, ngựa, voi...đã được lao động trong quá khứ thuần hóa và chọn lọc tự nhiên.

+ Đối tượng lao động là các vật nuôi, cây trồng cùng với nguyên liệu đã trải qua lao động trong quá khứ gắn liền với môi trường sinh trưởng là ruộng đất, ở phương đông thời cổ đại; các công xã đều định cư ở các vùng có độ phì nhiêu cao, đây chính là cơ sở tự nhiên quyết định năng suất lao động ở địa phương trong điều kiện sức lao động chưa tăng trưởng

* Sự kết hợp 3 yếu tố nói trên đã tạo ra 1 lượng lớn sản phẩm tương đối lớn, lượng sản phẩm sản xuất ra vượt ra khỏi nhu cầu sử dụng . Mối quan hệ lợi ích vật chất được xây dựng trên cơ sở quan hệ sở hữu ruộng đất thuộc cộng đồng của cư dân công xã và mối quan hệ về địa vị của con người trong xã hội, phần sản phẩm thiết yếu thuộc lợi ích vật chất của con người lao động thỏa mãn những nhu cầu. Phần sản phẩm thặng dư của người dân trong xã hội có nghĩa vụ đài thọ cho các đẳng cấp trên để tiêu dùng. Một phần sản phẩm thặng dư biến thành hàng hóa.

Câu 4 : Nội Dung Cơ Bản Của Phương Thức Sản Xuất Chiếm Hữu Nông Nghiệp La Mã Thời Cổ Đại.

_ Đơn vị kinh tế xã hội ở các nước phương Tây thời cổ đại là hệ thống đồn điền trên cơ sở lao động của nô lệ, quá trình sản xuất trong xã hội qui tụ 3 yếu tố :

- + Lao động đông đảo của nô lệ với năng lực cá nhân chưa trưởng thành với mục đích lao động tạo ra sản phẩm với chất lượng cao và giá trị sử dụng cho tầng lớp quý tộc.
 - + Tư liệu lao động là các công cụ lao động thủ công bằng kim loại được chế tạo nặng nề thô kệch cùng với sức lực của lừa, la.
 - + Đối tượng lao động là những vật nuôi cây trồng với nguồn nguyên liệu đã trải qua trước nó, tất cả đều gắn liền với môi trường là ruộng đất. Ở thời cổ đại độ phì nhiêu của đất rất thấp → năng suất thấp.
- sự kết hợp 3 yếu tố trên là cơ sở tạo ra các sản phẩm với giá trị sử dụng cho quý tộc, trên cơ sở tầng lớp quý tộc chiếm hữu và sở hữu 3 yếu tố của quá trình lao động, sản xuất cùng với địa vị thống trị về mọi mặt nên các tầng lớp quý tộc có toàn quyền sở hữu toàn bộ sản phẩm do lao động tạo ra.

Câu 5 : Những Nội Dung Cơ Bản Của Phương Thức Sản Xuất Và Trao Đổi Phong Kiến Thời Trung Đại

_ Tây Âu :

+ Đơn vị kinh tế – xã hội ở Tây Âu thời trung đại là lãnh địa phong kiến, mọi sản xuất trao đổi tiêu dùng đều thực hiện trong phạm vi các lãnh địa, 3 yếu tố thuộc quá trình lao động sản xuất ở lãnh địa là : lao động của đông đảo nông nô và nông dân với các năng lực và khả năng lao động đã trưởng thành với chức năng đa dạng. Mục đích lao động là sản xuất ra các sản phẩm vật chất với giá trị sử dụng cho gia đình và đóng tô cho tầng lớp lãnh chúa phong kiến.

+ Tư liệu lao động là các công cụ, nông cụ lao động thủ công được chế tạo bằng sắt và đã có sự cải tiến về kỹ thuật, thợ bắt đầu dùng cưa và sức kéo của trâu, bò, ngựa.

+ Đối tượng lao động là các loại vật nuôi cây trồng cùng với những sản phẩm đã trải qua lao động trước điều gắn liền với ruộng đất của lãnh chúa phong kiến.

➔ với sự kết hợp 3 yếu tố trên đã tạo ra năng suất lao động của nông nô khá cao, mối quan hệ lợi ích với sản phẩm vật chất đã tạo ra trên cơ sở quan hệ tư hữu ruộng đất của tầng lớp quý tộc phong kiến, mối quan hệ lệ thuộc giữa các lớp người trong xã hội toàn bộ sản phẩm do lao động sản xuất ra theo 1 tỉ lệ nhất định, phần sản phẩm thiết yếu thuộc về phần vật chất của nông nô, phần thặng dư nông nô nộp tô bằng hiện vật cho lãnh chúa. Lãnh chúa sử dụng 1 số ngày lao động của nông dân ➔ hình thành tô lao dịch. Do mối quan hệ thuộc giữa trần tục và tăng lữ, mọi người đều phải nộp 1/10 sản phẩm vật chất cho giáo hội.

_ Phương Đông :

+ Trên cơ sở phong tục vị theo bậc. Hoàng đế chia kiến điền cho chư hầu để tự trị lấy. Đơn vị kinh tế xã hội là nước. Dân chia làm 4 hạng : sĩ, nông, công, thương và 1 tầng lớp nô tỳ phục vụ trong cung đình và nhà quyền quý.

+ Nông dân được chia đất theo tỉnh, điền .

+ Kinh tế gia đình nông dân xây dựng trên cơ sở xác định nông nghiệp kết hợp lao động thủ công nghiệp. Sản xuất sản phẩm tiêu dùng dựa vào lao động gia đình và đất nông dân cống nộp 1 phần sản phẩm và 1 phần sản phẩm cho nhu cầu. Cơ cấu sản xuất cộng đồng là tự cung tự cấp.

Câu 6 : Những Yếu Tố Hình Thành Phương Thức Sản Xuất Và Trao Đổi Tư Bản.

_ Với những mặt tiến bộ của phương thức sản xuất phong kiến từ TK11 trở đi phương thức sản xuất phong kiến bước vào giai đoạn phát triển trong lòng xã hội phong kiến đã định hình những tư liệu sản xuất và phương tiện trao đổi mới là cơ sở cho việc hình thành phương thức sản xuất tư bản.

Phương thức sản xuất trao đổi ở Tây Âu trên cơ sở 3 yếu tố và quá trình kinh tế :

+ Sự phát triển tự nhiên, sự phân công lao động xã hội lực lượng công nghiệp thủ công tách ra khỏi nông nghiệp hình thành một lĩnh vực kinh tế độc lập 3 điều kiện cần thiết

_ Nền sản xuất của nông dân đã phát triển đến mức độ nhất định, xã hội đã luôn có 1 sản phẩm dư.

_ Yếu tố tự nhiên của nền nông nghiệp đã được khai thác cạn về bề rộng (không gì ngoài ruộng đất, ruộng đất không được mở rộng → bình quân đất trên đầu người giảm → phát triển theo chiều sâu → sự phân công lao động).

_ Mâu thuẫn về lợi ích của nông nô và quý tộc, để làm giảm mâu thuẫn chủ phong kiến cho phép 1 lượng nông nô thoát li khỏi lãnh địa tập trung sản xuất thủ công nghiệp

+ Thành thị tái lập và phát triển , với những đặc điểm của thành thị, thành thị tác động trở lại làm cho phân công lao động phát triển ngày càng cao, sâu sắc thành thị nổi lên 3 điểm :

_ Nơi tập trung đông người trên cơ sở phân công lao động xã hội phát triển qua việc trao đổi phát triển các sản phẩm hàng hóa khác.

_ Cơ sở kinh tế của thành thị là các ngành nghề sản xuất công nghiệp thủ công cùng với lĩnh vực buôn bán.

_ Thành thị Tây Âu thời trung cổ đã giành được quyền quản lý từ mặt chính trị đến với 3 đặc điểm khác nhau lãnh địa từ phân công lao động chung thành thị đã phát triển phân công lao động đặc thù. Từ đặc thù phát triển lên phân công chi tiết tức là phân công lao động theo từng công việc nhằm tạo ra sản phẩm để bán trên thị trường.

_ Trên cơ sở phân công lao động chi tiết cần phải có sự tổ chức lao động cá nhân thành lao động tổng thể chính vì vậy đã xuất hiện những thành viên đầu tiên của giai cấp tư sản với sản nghiệp là các công trường thủ công dựa trên cơ sở tư bản, đây chính là hình thức ban đầu của phương thức sản xuất tư bản.

+ Sự phát triển quan hệ trao đổi trên cơ sở tuyến hàng hải vùng biển địa trung hải, ban tích, bắc băng dương. Thương nghiệp hàng hải đã nối liền trao đổi giữa phương Đông và Tây Âu trong quan hệ thương mại Đông – Tây thời trung đại. Tây Âu luôn nhập siêu hàng hóa của phương Đông.

+ Sự khủng hoảng phương tiện trao đổi -> sự phát triển thương nghiệp hàng hải là cơ sở hình thành các thành phố thương mại trong lịch sử như Voni, Lubek, B.Ruy, từ các thành phố thương mại hình thành các nghiệp vụ trong lưu thông.

+ Kì hiếu -> nảy sinh tín dụng thương mại -> hình thành hệ thống các ngân hàng ở các nước phương Tây, thương mại là điều kiện cho sự xuất hiện tư bản thương nghiệp, là tiền đề lịch sử cho sự phát triển phương thức sản xuất trao đổi tư bản.

_ Cho đến cuối TK 15 phương thức sản xuất tư bản đã định hình tại thành phố Floren (Ý) là quê hương của tư bản.

Câu 7: Cơ Sở Và Điều Kiện Lịch Sử Chuyển Từ Thời Trung Đại Sang Thời Kỳ Cận Đại Tư Bản.

_ Cơ sở

+ Phát kiến địa lý đã giúp người Châu Âu hiểu rõ về bề mặt hành tinh là cơ sở thị trường rộng lớn cho các thương nhân.

+ Phát kiến địa lý đã làm thay đổi các con đường hàng hải ở Tây Âu đã chuyển sang các nước vùng duyên hải đại tây dương.

+ Phát kiến địa lý dẫn đến cuộc cách mạng giá cả nguồn vàng, bạc ở các lục địa đổ về Tây Âu -> giá cả tiêu dùng cần thiết tăng lên từ 3 -> 5 lần.

_ Đã thúc đẩy mạnh nền sản xuất hàng hóa thúc đẩy nhanh sự tan rã của phương thức sản xuất phong kiến.

_ Điều kiện :

+ Phương thức sản xuất tư bản không chỉ là phương thức sản xuất hàng hoá mà còn là phương thức sản xuất ra giá trị thặng dư. Tạo lập thị trường hàng hoá sức lao động, hàng hoá sức lao động được tạo ra trong lịch sử thông qua quá trình tích lũy lao động mà còn gọi là tích lũy nguyên thủy (hàng hoá sức lao động không phải là sản xuất tư bản nảy sinh ra) . Quá trình tích lũy ban đầu được hình thành tập trung chủ yếu ở nước Anh, quá trình ấy được thực hiện bằng bạo lực xã hội.

Câu 8 : Nội Dung Cách Mạng Công Nghiệp Cơ Khí Hoá Nền Sản Xuất Và Trao Đổi Tư Bản. Những Tác Động Của Cách Mạng Công Nghiệp Cơ Khí Hoá.

_ Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội, xã hội tư sản muốn chiến thắng xã hội phong kiến thì phải tạo ra năng suất lao động cao hơn cả thời kì phong kiến -> phải biến đổi lao động thủ công thành lao động máy móc -> thay đổi công trường thủ công thành nhà máy. Cách mạng công nghiệp muốn nổ ra phải có những điều kiện lịch sử nhất định. Nước Anh vào thế kỷ 18 đã tập trung đầy đủ các điều kiện để cách mạng công nghiệp nổ ra và giành thắng lợi -> nước Anh trở thành quê hương của cách mạng công nghiệp cơ khí hoá. Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ máy công cụ trong 2 lãnh vực : công nghiệp mới : dệt + sợi.

_ Năm 1733 xuất hiện thoi bay trong lĩnh vực công nghiệp dệt : Giôn-cây. 1764 – 1767 máy kéo sợi được sáng chế bởi Giêm-Hac-Gri-Vơ đặt tên là Jeny.

_ 1735 Đecbi đã công bố nguồn năng lực mới : năng lượng than đá.

_ 1784 Giêm-Oát đã công bố động cơ chạy bằng hơi nước. Động cơ hơi nước làm cho cơ sở một số ngành công nghiệp mới xuất hiện : công nghiệp cơ khí chế tạo máy, với các máy móc đã tạo ra -> năng suất tăng vọt -> cuộc cách mạng trong giao thông vận tải.

_ 1805 tàu thuỷ xuất hiện.

_ 1825 nước Anh thử nghiệm giao thông vận tải đường sắt đã tạo ra 1 kỷ nguyên mới phát triển giao thông đường sắt trên thế giới.

_ Những tác động :

+ Tạo ra các trung tâm công nghiệp lớn, phát hiện ra các loại nguyên liệu mới.

+ Tạo ra các quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản công nghiệp là sản xuất ra giá trị thặng dư hay tiền lời chi phối toàn xã hội, kỹ thuật sản xuất phát triển thúc đẩy sự phát triển của các ngành khoa học khác.

Câu 9 : Những Đặc Trưng Cơ Bản Của Cách Mạng Khoa Học Kỹ Thuật Nửa Cuối TK19

_ Tư bản muốn tồn tại thì tư bản không thể không sản xuất. Do vậy 30 năm cuối của TK19 đây là giai đoạn đầu của cuộc cách mạng mới về kỹ thuật sản xuất : cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng khoa học kinh tế , nổi lên các đặc trưng :

- + Cơ sở sản xuất kinh tế mới dựa trên nền tảng khoa học vật lý, hoá học (từ TK19 khoa học tiến rất nhanh)
- + Năng lượng mới : động cơ đốt trong, động cơ điện, tua bin, động cơ Diesel...
- + Phương pháp luyện thép mới của Bétxma với lò nấu kim loại Mác tanh.
- + Năng lượng mới : điện năng 1868, nhiên liệu lỏng, nguyên liệu dầu lửa 1870, thuỷ điện 1897.
- + Đất rộng lớn.
- + Phương tiện vận tải mới : xe hơi khoảng 1897.
- + Phương pháp tổ chức sản xuất theo khoa học của Tay-lor.

Câu 10 : Những Nguyên Nhân Phát Triển Đặc Biệt Nền Kinh Tế Mỹ Sau Cuộc Nội Chiến 1861 – 1865.

_ Sự phát triển nhanh của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn này là do những nguyên nhân sau đây :

+ Cuộc nội chiến ở nước Mỹ thực chất là cuộc cách mạng dân chủ, tư sản nó đã thủ tiêu mọi quan hệ sản xuất tiền tư bản mở đường cho phong trào di dân sang các vùng đất rộng lớn phì nhiêu ở miền Tây để tiến hành kinh doanh trang trại theo kiểu tư bản, mở đường cho LLSX phát triển.

+ Nước Mỹ có một cơ sở nguyên liệu rất to lớn với nguồn khoáng sản to lớn & các điều kiện tự nhiên thuận lợi đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhanh của nền kinh tế nước Mỹ.

+ Nước Mỹ phát triển nền kinh tế tư bản sau Anh, Pháp vì vậy các nhà tư bản đã biết sử dụng kinh nghiệm & các thành tựu KH-KT của các nước đi trước, họ đã xây dựng nhiều những xí nghiệp của mình trên cơ sở tiên tiến nhất.

+ Nước Mỹ đã thu hút được nguồn lao động có năng lực & có khả năng nhất ở Châu Âu di cư sang, tạo điều kiện mới cho nền kinh tế phát triển. Bài học kinh nghiệm nước ta có thể học hỏi để khắc phục nguy cơ tụt hậu phát triển kinh tế.

_ Với những điều kiện thực tế và hoàn cảnh kinh tế của nước ta vào giai đoạn hiện nay thì điều cần thiết mà chúng ta cần phải làm là học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước và tiếp thu nền KH-KT của thế giới hiện tại để áp dụng vào việc phát triển nền kinh tế của quốc gia để rút ngắn khoảng cách với các nước khác trên thế giới.

**Câu 11 : Tổng Khủng Hoảng Hình Thái Kinh Tế – Xã Hội Tư Bản
Nửa Đầu TK20 Với Những Sự Kiện Lịch Sử Lớn Nào ?**

_ Nửa đầu TK 20 sau 1 giai đoạn phát triển hình thái KTXHTB, hình thái kinh tế này đã bước vào giai đoạn tổng khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt nó được biểu hiện qua 3 sự kiện lớn :

+ Cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) nguyên nhân là do mâu thuẫn về mặt lợi ích kinh tế tại các vùng thuộc địa của các nước đế quốc Anh, Pháp, Nga > < Đức, Áo, Hung, Ý. Chiến tranh là cơ sở tập trung quyền lực vào CNTB độc quyền nhà nước. Chiến tranh làm cho nền kinh tế các nước phong kiến sụp đổ, xã hội rối loạn, nền DCTS sụp đổ.

- Đức, Áo, Ý : lạm phát XH đến kinh hoàng.
- Đức, Ý trên cơ sở nền DC giải thể => nền chính trị độc tài bắt đầu phát triển.

+ Đại khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đầu tiên diễn ra ở Mỹ : 30 triệu lao động bị sa thải, DCTS bị khủng hoảng cao độ, người lao động bị TS chiếm đoạt, dân chúng không có khả năng tiêu dùng => sản xuất bị ngưng trệ.

+ Cuộc đại chiến thế giới lần 2 (1939 – 1945) đã lôi cuốn 61 quốc gia tham dự với khoảng 1,7 tỷ người, thiệt hại khoảng 4000 tỷ USD. Kết thúc chiến tranh nền kinh tế tư bản Châu Âu - Nhật sụp đổ hoàn toàn, nền kinh tế Mỹ được tăng cường nhanh chóng : CN 56,5%, ngoại thương trên thế giới 32%, ¾ lượng vàng TGTB. Nền DCTS có nguy cơ bị sụp đổ trên thế giới do đó Mỹ cứu vãn nền DCTS đang trên đà sụp đổ.

Câu 12 : Các Giai Đoạn Của Nền Sản Xuất & Trao Đổi Tư Bản Trên Thế Giới Từ 1945 Đến Nay

* 1946 – 1950 : Các nước tư bản tiến hành khôi phục kinh tế và chuyển hướng nền kinh tế để khôi phục, nền kinh tế các nước Tây Âu và Nhật đều dựa vào nguồn tài chính Mỹ, dựa vào nền kinh tế thị trường ưu đãi từ Mỹ. Do đó Mỹ đã kiểm soát toàn bộ nền kinh tế thế giới.

* 1951 – 1970 : Đây là giai đoạn phát triển đạt mức độ cao tương đối ổn định ở các nước tư bản trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng SXCN các nước TB phát triển đạt trung bình 5,5% hàng năm. Sản lượng công nghiệp năm 1970 tăng 3 lần so với năm 1950... Nguyên nhân là do tác động của CMKH-KT trong thời bình dẫn đến hình thành nề CN hiện đại ở các nước quá trình công nghiệp hoá cũng diễn ra mạnh mẽ, từ đó rút ra 1 lượng xã hội lớn nghề tư bản dịch vụ.

_ 1970 – 1987 : nền kinh tế tư bản bước vào giai đoạn suy thoái kéo dài.

_ 12-1970 nước Mỹ tuyên bố giá đồng USD, 1971 tuyên bố chuyển sang tỷ giá hối đoái của đồng USD -> khủng hoảng kinh tế 1970 – 1971.

_ 1973 nổ ra cuộc khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới lần 1 -> cuộc đại suy thoái 1974 – 1975, khác cuộc khủng hoảng 1929 – 1930.

_ 1979 khủng hoảng dầu mỏ lần 2 : 35 USD/ thùng -> khủng hoảng kinh tế 1981 – 1982.

_ 10-1987 nổ ra cuộc khủng hoảng trên thị trường chứng khoán thế giới xu hướng phát triển kinh tế tư bản từ sau đại suy thoái kinh tế 1974 – 1975.

_ Sau đại suy thoái chủ nghĩa tư bản tiếp tục tồn tại thì buộc thay đổi để thích ứng. Sự thay đổi của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở phát triển cao của cách mạng khoa học kỹ thuật chuyển sang 1 cuộc cách mạng mới thường gọi là cách mạng khoa học công nghiệp. Từ những phát minh khoa học con người đi sâu vào khám phá vật chất và sự sống. Có đặc trưng cơ sở khoa học biến thành công nghệ sản xuất mới thời gian rút ngắn tuyệt đối.

_ Nền công nghệ tự động hoá cao kết hợp với tin học đã giải quyết được chức năng điều khiển của máy móc thay cho bộ óc của con người.

_ Công nghệ sinh học phát triển bằng những phương thức nhân tạo đã tạo ra nhiều đối tượng lao động mới, những đối tượng này không có trong thế giới tự nhiên trước đây.

- _ Tin học phát triển cực mạnh từ năm 1989 trở đi con người đã chuyển sang lĩnh vực tin học internet. Sự đảm bảo tư liệu sản xuất đòi hỏi phải đảm bảo sức lao động trong và ngoài xã hội, nó theo 2 xu hướng.
- _ Tỉ trọng trí thức con người ngày một cao hơn.
- _ Nền tảng lao động trong xã hội ngày một mở rộng ngoài các nhà tư bản hoạt động trong thị trường chứng khoán các nhà tư bản còn lại đều trở thành nền tảng xã hội thời đại hiện nay.
- _ Sự thay đổi về lực lượng sản xuất trong xã hội đã đòi hỏi sự thay đổi quan hệ sản xuất. Quan hệ sản xuất thay đổi theo hướng phát triển mạnh mẽ của các công ty cổ phần cho đến giai đoạn hiện nay hoạt động tư bản trên thế giới với số lượng như sau : tổng giao dịch trên thị trường thế giới là 52 ngàn tỷ USD, hiện nay thế giới có khoảng 53 ngàn công ty cổ phần liên quốc gia đang hoạt động. Giá trị trao đổi hàng hoá và dịch vụ trên thế giới khoảng trên 5000 tỷ USD.
- _ Sau hàng TK phát triển nền sản xuất trao đổi tiêu dùng ngày nay đã mang tính chất toàn cầu hoá, đây là bước chuẩn bị cơ sở vật chất đầy đủ nhất cho sự hình thành 1 hình thái kinh tế xã hội mới tốt đẹp.

Câu 13 : Những Nguyên Nhân Phát Triển Thần Kỳ Của Nền Kinh Tế Nhật Bản (1951 – 1970) . Xác Định Bài Học Kinh Nghiệm Ta Cần Học Tập Để Khắc Phục Tình Trạng Tụt Hậu Kinh Tế Ở Nước Ta.

* Nguyên nhân

_ Nước Nhật đã được sự trợ giúp rất lớn từ phía Mỹ, đặc biệt là sau chiến tranh TG 2.

_ Nhật Bản đã sử dụng nhiều phương pháp mạnh mẽ để mở rộng thị trường cả trong lẫn ngoài nước.

_ Luôn duy trì tỉ lệ tích lũy vốn thường xuyên trong nền kinh tế và sử dụng vốn có hiệu quả.

_ Khả năng tiếp thu và ứng dụng các thành tựu của KH và KT rất nhanh nhạy.

_ Nhật Bản có phương pháp quản lý riêng, khác với kiểu phương Tây mà theo Teruyasu Murakami, uỷ viên điều hành nghiên cứu Namura (NB) bao gồm chế độ nhân dụng mãi đời, hệ thống thâm niên nghiệp đoàn trên cơ sở công ty, hệ thống tiền thưởng và hưu bổng tập đoàn kiểu Tekerudo các ngân hàng và công ty lớn cầm đầu và kiểu thị trường chứng khoán giao thoa bền vững.

* Bài học kinh nghiệm mà ta cần học tập để khắc phục nguy cơ kinh tế là phải biết học hỏi và tiếp thu các thành tựu KH một cách nhanh nhạy của các nước đi trước và TG.

Câu 14 : QHSX XHCN Hình Thành Ở Các Nước XHCN Trước Cải Cách – Đổi Mới Bằng Những Biện Pháp Nào ? Nội Dung Cơ Bản QHSX XHCN ? Những Mặt Ưu Và Những Hạn Chế Của QHSX Mà Ta Cảm Nhận Được .

_ Cải tạo QHSX cũ, hình thành và phát triển QHSX mới, đây là nhiệm vụ được thực hiện đầu tiên khi bước vào thời kỳ quá độ, thực hiện với các biện pháp sau

_ Tiến hành quốc hữu hoá được đặt ra với các lĩnh vực KT then chốt của nền kinh tế quốc dân như CNTB N2 toàn bộ hệ thống ngân hàng tài chính của quốc gia, toàn bộ phương tiện và mạng lưới giao thông vận tải, toàn bộ tài nguyên thiên nhiên của đất nước, trên cơ sở đã tiến hành quốc hữu hoá đã chuyển sang 1 loại hình sở hữu mới : sở hữu toàn dân về TLSX.

_ Cải cách dân chủ đây là nhiệm vụ kinh tế của CMTS trong LS, CMTS trước đây không thực hiện, nó trở thành nhiệm vụ mà XH cần giải quyết.

_ Nó được thực hiện ở LX và Mông Cổ bằng hình thức quốc hữu hóa toàn bộ đất đai, hình thành phạm trù sở hữu toàn dân về đất đai, sau chia bình quân cho người dân cùng sử dụng. Các nước còn lại tiến hành bằng cách cải tạo ruộng đất, nhà nước thừa nhận quyền sở hữu ruộng đất của nhân dân. Sau khi thực hiện chính sách ruộng đất và bãi bỏ quyền sở hữu ruộng đất PK của thực dân dẫn tới sx nhỏ.

_ Cải tạo công thương nghiệp TBCN các nước cải tạo tư tưởng TBCN nhà nước mới, không tước đoạt mà cho TB chuộc lại để tiếp tục kinh doanh hoặc thuê mượn để kinh doanh, còn các nước sau này dùng hình thức trả góp vốn với Nhà nước xí nghiệp cổ phần kinh doanh, lĩnh vực chiếm tỉ trọng nhỏ bé. Sau 1 GD tồn tại CNTB, Nhà nước mới đã chuyển hóa thành các XN quốc doanh.

_ Cải tạo CNXH trong Nhà nước : các Nhà nước đều tiến hành ngay sau cải cách dân chủ, thực hiện cải tạo bằng con đường hợp tác hóa, sau 1 giai đoạn tiến hành ngắn, các nước đều cơ bản đã hoàn thành với hình thức : nông trang tập thể (LX, công xã nd TQ, hợp tác xã bậc 1,2,3 Đông Âu, HTX cao cấp VN). Chính trong quá trình hợp tác hóa đã tiến hành sở hữu tập thể về ruộng đất và các loại TLSX trong N2.

_ Những mặt ưu và những mặt hạn chế :

+ Mặt ưu :

- Sau 1 thời gian ngắn với 4 bp trong cải tạo đã phủ định hoàn toàn các loại hình kinh tế trong thời kỳ quá độ. Trên cơ sở đó đã hình thành QUSX mới với 1 chế độ sở hữu mới tồn tại với 2 hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể tương ứng với 2 loại hình kinh tế bao trùm XH : KT quốc dân và kinh tế HTX, mối quan hệ trao đổi giữa 2 lĩnh vực sxxh thông qua quan hệ hàng tiền – hàng trong đó thương nghiệp quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong quá trình trao đổi của xã hội, địa vị của người lao động trong xã hội đã biến đổi từ người làm thuê trở thành người chủ trong lĩnh vực kinh tế.

+ Mặt hạn chế :

- Lợi ích trong xã hội được phân phối theo lao động và các khoảng phúc lợi chung của toàn bộ xã hội trong giai đoạn đương thời của con người chưa được xđ rõ.
- Cơ sở thước đo năng lực và khả năng lao động (của cá nhân) chưa rõ ràng. Vì vậy biến tướng thành bình quân công nghiệp.

Câu 15 : Nội Dung Công Nghiệp Hóa Và XHCN Ở LX (1926 – 1937).

Thành Tựu Đạt Được Và Những Mặt Hạn Chế.

- 12-1925: “Đại hội công nghiệp hóa” với nội dung là biến LX từ 1 nước nông nghiệp thành 1 nước công nghiệp, sản xuất những trang thiết bị cần thiết cho nền kinh tế quốc dân và được thực hiện qua 3 bước
- Kế hoạch chuẩn bị bước lấy đà (1926 – 1927) xây lại và xây dựng mới các xí nghiệp vừa và nhỏ.
- Kế hoạch 5 năm lần thứ I (1928 – 1932) tập trung XD các XN công nghiệp nặng qui mô lớn và hiện đại là bước quan trọng đưa LX trở thành 1 nước CN phát triển.
- Kế hoạch 5 năm lần thứ II (1932 – 1937) hoàn thành việc chuẩn bị kinh tế cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, gia tăng lực lượng sản xuất, nâng cao mức sống mọi mặt của người lao động.

*** Thành tựu :**

- 1926 – 1927 : sản lượng công nghiệp đạt 132%, cơ khí đạt 175% và điện lực đạt 157% so với năm 1913
- 1928 – 1932 : tổng sản lượng công nghiệp tăng gấp 2 lần so với năm 1928, công nghiệp nặng tăng 28,5%/ năm (1928 – 1932) sản lượng cơ khí 1932 tăng gấp 7 lần so với năm 1913, 5000 km đường sắt được xây dựng, công nghiệp nhẹ tăng 11,7% (-73,6% chỉ tiêu đề ra)
- 1933 – 1937 : 4500 xí nghiệp mới đã hoạt động, sản lượng công nghiệp tăng 2,2 lần. 1938 hệ thống đường sắt và đường xe điện ngầm được phát triển mạnh ở Matxcơva
- Nước Nga đứng đầu Châu Âu và đứng thứ 2 trên TG sau Mỹ về sản xuất dầu lửa và vàng, than, thép.

*** Hạn chế :**

- Bên cạnh những kết quả đạt được cũng bộc lộ những yếu kém như : tính kém hiệu quả
- Tình trạng mất cân đối giữa công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng.
- Tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng.
- Hình thức, mẫu mã của hàng hóa chưa hấp dẫn.

Câu 16 : Nội Dung Cải Cách Và Mở Cửa Ở Trung Quốc (Từ 1978)

Trong Điều Kiện Lịch Sử Nào ?

* Điều kiện lịch sử

_ Vào tháng 11 năm 1978 tại hội nghị lần 3 khoá 11, Đảng Cộng Sản TQ vạch rõ những nguyên nhân gây nên sự trì trệ về kinh tế xã hội. Từ việc xem xét và đánh giá thực trạng kinh tế xã hội các nhà lãnh đạo của Trung Quốc đã đề ra những biện pháp để điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế đã mất cân đối.

_ Từ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng chuyển sang ưu tiên phát triển sản xuất công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng và những ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu cấp bách của đất nước. TQ chủ trương XD nền kinh tế hàng hóa XHCN, chủ trương khôi phục và duy trì 1 nền kinh tế nhiều thành phần, bỏ đi những quan niệm truyền thống và xác lập mối quan hệ mới là kết cấu của chế độ sở hữu phải do tính chất của sức sản xuất quyết định .

_ Cùng với cải cách kinh tế TQ còn tiến hành cải cách thể chế chính trị, TQ thực hiện chính sách mở cửa quan hệ với TG bên ngoài. Để tiến hành hoạt động mở cửa, TQ cho XD lại các đặc khu kinh tế. Năm 1980 TQ cho XD các đặc khu kinh tế là : Thẩm Quyển, Chu Hải, Sán Dầu và Hạ Môn.

_ Với nông nghiệp, nông thôn TQ thực hiện rộng khắp nhiều hình thức khoán sản phẩm , xác lập vai trò chủ thể của nông hộ trong sản xuất và kinh doanh. Chế độ khoán đã đem lại những thắng lợi cơ bản cho nông nghiệp. Sản lượng lương thực tăng nhanh, nếu năm 1978 là triệu tấn thì năm 1987 là 402 triệu tấn, năm 1993 là 456,4 triệu tấn. Những sản phẩm khác trong nông nghiệp như bông, dầu, mía, thịt...đều tăng.